

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Tam Hiệp,
huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2035, tỷ lệ 1/5.000**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 35/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang: Số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc Ban hành một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; số 838/QĐ-UBND ngày 03/08/2023 về việc phê duyệt Quy

hoạch xây dựng vùng huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 (tỷ lệ 1/25.000);

Căn cứ Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND huyện Yên Thế về việc phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tam Hiệp, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022-2035 (tỷ lệ 1/5.000);

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo số 782/BC-KTHT ngày 06/10/2023; UBND xã Tam Hiệp tại Tờ trình số 63/TTr-UBND ngày 27/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt đề án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Tam Hiệp, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022 - 2035, tỷ lệ 1/5.000, với các nội dung chính sau:

1. Lý do và sự cần thiết

Quy hoạch chung xây dựng xã Tam Hiệp được lập và phê duyệt từ năm 2010, sau 13 năm triển khai tổ chức thực hiện đã đạt được nhiều kết quả nhất định, năm 2022 xã Tam Hiệp đạt chuẩn nông thôn mới. Tuy nhiên giai đoạn 2010 đến nay, các chính sách, chủ trương, các quy hoạch cấp trên và các cơ sở pháp lý lập điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn trong giai đoạn hiện nay đã có nhiều thay đổi; những dự án lớn, mang tính động lực đã và đang triển khai và các yếu tố khác có ảnh hưởng đến các dự báo về phát triển dân cư, kinh tế - xã hội của địa phương dẫn đến ảnh hưởng tới đề án quy hoạch chung xây dựng NTM xã Tam Hiệp. Đặc biệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050 và Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Thế tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tầm nhìn đến 2050 đã được phê duyệt tác động mạnh mẽ đến huyện Yên Thế nói chung và xã Tam Hiệp nói riêng. Do đó việc lập Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tam Hiệp giai đoạn 2022 - 2035 là cần thiết, đảm bảo việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng trong giai đoạn 2022-2035 phù hợp và thống nhất với quy hoạch cấp trên, làm cơ sở để địa phương triển khai công tác đầu tư xây dựng, phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như tạo tiền đề, điều kiện khai thác hợp lý, phát huy được những lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự liên kết trong vùng, mở rộng thị trường, phát triển sản xuất một cách bền vững. Đồng thời, từng bước nâng cao điều kiện sống, dân trí của người dân, góp phần xây dựng nếp sống văn minh, hiện đại ở khu vực nông thôn, đáp ứng tiến độ thực hiện xây dựng nông thôn theo Kế hoạch.

2. Vị trí, ranh giới phạm vi lập điều chỉnh quy hoạch

- Phạm vi nghiên cứu điều chỉnh: Quy hoạch bao gồm toàn bộ xã Tam Hiệp. Ranh giới cụ thể như sau:

- + Phía Đông giáp các xã Đồng Tâm;
- + Phía Tây giáp xã Tân Hiệp và xã Tiến Thắng;

+ Phía Nam giáp thị trấn Phồn Xương;

+ Phía Bắc giáp xã Tam Tiến.

Dân số hiện trạng: Khoảng 3.681 người, dân số quy hoạch đến năm 2035 khoảng 4.231 người.

- **Tổng diện tích lập điều chỉnh quy hoạch chung:** Khoảng 858,4 ha.

3. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu của đồ án

- Căn cứ Thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn và Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

+ Đất ở: $\geq 25\text{m}^2$ đất/người;

+ Đất công trình công cộng, dịch vụ: $\geq 5\text{m}^2$ /người;

+ Đất giao thông hạ tầng kỹ thuật: $\geq 5\text{m}^2$ /người;

+ Đất cây xanh: $\geq 2\text{m}^2$ /người;

- Chỉ tiêu cấp nước: Tối thiểu 60 lít/người/ngày;

- Chỉ tiêu cấp điện: Tối thiểu 150W/người;

- Tổng lượng nước thải (lấy bằng 80% tiêu chuẩn cấp nước).

4. Các nội dung đồ án điều chỉnh quy hoạch chung

4.1. Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã xác định

Quy hoạch xã trong mối liên hệ vùng: Phát triển đảm bảo mối liên hệ chặt chẽ với các thị trấn của khu vực như Bồ Hạ, Phồn Xương, quy hoạch thị trấn Mỏ Trạng, huyện Yên Thế; thị trấn Nhã Nam huyện Tân Yên; thị trấn Kép, huyện Lạng Giang được liên kết bởi tuyến đường QL17, ĐT 292.

4.2. Khu trung tâm xã

- Trụ sở Đảng ủy- HĐND-UBND hiện trạng đã đạt chuẩn và đáp ứng được nhu cầu sử dụng của xã có tổng diện tích khuôn viên hiện trạng là 2.485,8m². Hiện nay trụ sở UBND đang tiếp tục được cải tạo và chỉnh trang xứng đáng tầm vóc là công trình trung tâm tiêu biểu của xã Tam Hiệp;

- Quy hoạch mới trụ sở công an xã – thôn Yên Thế, quy mô 0,2ha;

- Quy hoạch mới trụ sở quân sự xã – thôn Yên Thế, quy mô 0,2ha;

- Ngoài ra Quy hoạch mở rộng 4,0ha căn cứ chiến đấu. Tổng diện tích 6,1ha tại bản Đồng Thép. Quy hoạch mới khu sơ tán, bản Đồng Hom, diện tích 2,03ha;

- Bưu điện và viễn thông: Nằm sát UBND xã tại thôn Yên Thế rộng khoảng 200m², nhà cấp 4. Xã đã có 2 trạm phát sóng Viettel, 1 trạm phát sóng Vinaphone nhu cầu thông tin liên lạc được đáp ứng;

- Trạm Y tế: Nằm tại thôn Yên Thế, diện tích hiện trạng là 0,25ha được giữ nguyên diện tích, hiện xã đã đạt chuẩn Quốc gia về y tế;

- Nhà văn hóa xã: Hiện trạng đã đạt chuẩn, được xây dựng trong khuôn viên trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã có quy mô sức chứa tối đa 300 người, phục vụ nhu cầu tổ chức hội nghị, sự kiện của xã;

- Quy hoạch mới trường Mầm Non tại thôn Yên Thế có quy mô diện tích: 1,2 ha;

- Mở rộng Trường tiểu học và trường THCS xã.

4.3. Quy hoạch định hướng phát triển các khu trung tâm văn hóa thôn, xóm

Một số nhà văn hóa, khu trung tâm văn hóa thôn, bản giữ nguyên hiện trạng và quy hoạch mở rộng một số nhà văn hóa, khu trung tâm văn hóa thôn, bản.

4.4. Quy hoạch phát triển điểm dân cư nông thôn

- Quy hoạch mới khu dân cư thôn Đền Cô với diện tích 1,13ha;

- Quy hoạch mới dân cư bản Đồng Thép 2,5ha;

- Quy hoạch mới dân cư thôn Trại Cọ 0,3ha;

- Quy hoạch mới dân cư bản Đồng Hom 2,3ha;

- Quy hoạch mới dân cư thôn Đồng Mơ 0,3ha;

- Quy hoạch mới khu dân cư thôn Trại Cọ 7,6ha;

- Quy hoạch mới khu dân cư thôn Đền Cô 1,03ha;

- Quy hoạch mới khu dân cư thôn Đền Cô 1,6ha;

- Quy hoạch mới khu dân cư bản Đồng Thép 0,3ha;

- Quy hoạch mới khu dân cư bản Đồng Thép 0,6ha;

- Quy hoạch mới khu dân cư thôn Đền Cô 0,33ha.

4.5. Quy hoạch đất xây dựng các khu chức năng khác

- Quy hoạch mới đất thương mại dịch vụ xã Tam Hiệp nằm giữa thôn Yên Thế và thôn Trại Cọ, diện tích 3,0ha;

- Quy hoạch mới đất thương mại dịch vụ, thôn Trại Cọ, diện tích 0,33ha;

- Quy hoạch mới đất thương mại dịch vụ, thôn Đền Cô, diện tích 6,5ha;

- Quy hoạch mới điểm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng – bản Đồng Thép, diện tích 25ha (trong đó đất thương mại dịch vụ 4,0ha);

- Quy hoạch mới điểm du lịch cộng đồng – thôn Đền Cô, diện tích 3,0ha.

4.6. Quy hoạch đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền

- Quy hoạch cụm di tích Đền Hom. Tổng diện tích 3,239 ha;

- Quy hoạch mở rộng 0,16ha đền Cầu Khoai. Tổng diện tích 0,33ha;

- Quy hoạch mở rộng 0,16ha đền Quan Lớn. Tổng diện tích 0,37ha;
- Quy hoạch mở rộng 0,09ha chùa Hố Thông. Tổng diện tích 0,18ha.

4.7. Đất nông nghiệp

- *Đất sản xuất nông nghiệp:*

- + Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp năm 2022: 430ha;
- + Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2022-2030: 386,96ha;
- + Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2031-2035: 376,22ha;
- + Thu hồi NVH chuyển đổi mục đích sang đất trồng cây lâu năm, diện tích 0,03ha.

- *Đất lâm nghiệp:* Trong kỳ quy hoạch từ nay đến năm 2035 tập trung vào công tác bảo vệ diện tích rừng hiện có đáp ứng yêu cầu du lịch và bảo vệ môi trường. Giữ vững độ che phủ rừng 40%.

4.8. Đất CN, TTCN, làng nghề

- Quy hoạch mới đất tiểu thủ công nghiệp diện tích 0,22ha tại bản Đồng Hom.
- Quy hoạch mới đất tiểu thủ công nghiệp nằm tại khu trung tâm của Xã – thôn Yên Thế. Diện tích 2,0ha và 1,06ha.
- Quy hoạch mới đất tiểu thủ công nghiệp. Diện tích 7,75ha.
- Quy hoạch mới đất tiểu thủ công nghiệp. Diện tích 8,1ha.

4.9. *Đất hạ tầng kỹ thuật khác:* Quy hoạch cửa hàng xăng dầu xã Tam Hiệp, diện tích 0,2ha (Trong đó diện tích cây xanh, giao thông, nhà điều hành, nhà kinh doanh,... chiếm 0,1ha).

5. Cơ cấu sử dụng đất

Thứ tự	Mục đích sử dụng	Mã	Năm 2022		Năm 2022-2030		Năm 2031-2035	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)		858.40	100%	858.40	100%	858.40	100%
1	Đất nông nghiệp	NNP	727.7	84.8%	658.16	76.7%	628.87	73.3%
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	430	50.1%	386.96	45.1%	376.22	43.8%
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	345.86	40.3%	305.48	35.6%	298.42	34.8%
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	84.14	9.8%	81.48	9.5%	77.8	9.1%
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	255	29.7%	231.5	27.0%	216.85	25.3%
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	255	29.7%	231.5	27.0%	216.85	25.3%
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH						
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	42.66	5.0%	39.7	4.6%	35.8	4.2%
2	Đất xây dựng	PNN	128.9	15.0%	198.43	23.1%	227.7	26.5%

2.1	Đất ở	OCT	65.4	7.6%	73.65	8.6%	78.77	9.2%
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	65.4	7.6%	73.65	8.6%	78.77	9.2%
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT						
2.2	Đất công cộng	CDG	8.2	0.95%	9.5	1.10%	9.5	1.10%
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0.25	0.03%	0.25	0.03%	0.25	0.03%
2.2.2	Đất y tế	DYT	0.17	0.02%	0.17	0.02%	0.17	0.02%
2.2.3	Đất giáo dục	DGD	1.48	0.17%	2.78	0.32%	2.78	0.32%
2.2.4	Đất văn hóa	DVH	0.63	0.07%	0.6	0.07%	0.6	0.07%
2.2.5	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	5.65	0.66%	5.65	0.66%	5.65	0.66%
2.3	Đất tôn giáo, danh lam di tích, đình đền	DDT	0.84	0.10%	1.9	0.22%	1.9	0.22%
2.4	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề		0.99	0.12%	12.73	1.48%	21.06	2.45%
2.4.1	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0.99	0.12%	12.73	1.48%	21.06	2.45%
2.5	Đất xây dựng chức năng khác		0	0.0%	14.93	1.74%	28.63	3.34%
2.5.1	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0	0.0%	13.63	1.59%	27.33	3.18%
2.5.2	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	0	0.0%	1.3	0.15%	1.3	0.15%
2.6	Đất HTKT	DHT	51.36	5.98%	76.75	8.9%	78.89	9.2%
2.6.1	Đất giao thông		48.09	5.60%	66.95	7.80%	67.98	7.92%
2.6.2	Đất xử lý chất thải	DRA	0	0.0%	1.6	0.19%	1.6	0.19%
2.6.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	NTD	3.27	0.38%	3.5	0.41%	4.61	0.54%
2.6.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	DTK	0	0.0%	4.7	0.55%	4.7	0.55%
2.7	Đất quốc phòng, an ninh		2.16	0.25%	9.02	1.05%	9.02	1.05%
2.7.1	Đất quốc phòng	CQP	2.16	0.25%	9.0	1.05%	9.0	1.05%
2.7.2	Đất an ninh	CAN	0.00	0.0%	0.02	0.002%	0.02	0.002%
3	Đất khác	CSD	1.81	0.42%	1.81	0.47%	1.81	0.48%
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	MNC	1.81	0.42%	1.81	0.47%	1.81	0.48%
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng		0		0		0	

6. Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

6.1. Định hướng quy hoạch giao thông

- Quy hoạch mở rộng tuyến đường Quốc lộ 17, mặt cắt 45m, chiều rộng lòng đường 6m, chiều rộng rãnh 1,5m, phần đất bảo vệ 2m, phần đất hành lang an toàn đường bộ rộng 13m, chiều dài 4,4km từ khu trung tâm xã Tam Hiệp đi thị trấn Phồn Xương và đi xã Tam Tiến.

- Quy hoạch mới tuyến đường Tỉnh lộ 294D. Mặt cắt 25m, chiều rộng lòng đường 15m, vỉa hè rộng 5mx2, chiều dài 1,3km, từ QL17-thôn Đồng Mơ-Tân Hiệp.

- Quy hoạch mở rộng tuyến đường huyện 54, 54A mặt cắt 10m, chiều rộng lòng đường 7m, lề đường 1,5m x 2, chiều dài 5,4 km từ khu trung tâm xã Tam Hiệp đi xã Tân Hiệp và xã Tam Tiến.

- Tuyến D4 đã quy hoạch trong quy hoạch chung thị trấn Phồn Xương, mặt cắt 22m, chiều rộng lòng đường 12m, vỉa hè rộng 5m x 2, chiều dài 0,87km.

- Quy hoạch mở rộng tuyến đường liên xã: mặt cắt 9,5m, chiều rộng lòng đường 7m, lề đường 1,25m x 2, chiều dài 1,57km liên kết 2 tuyến đường liên huyện 54 và 54A (Đồng thép đi Đồng Mười).

- Quy hoạch mở rộng tuyến đường liên thôn mặt cắt 9,5m, chiều rộng lòng đường 7m, lề đường 1,25m x 2, chiều dài 2,24km điểm đầu và cuối nằm trên QL17-thôn Đền Cô (từ đường vào Ba Mẫu lên dốc Rừng dài).

- Quy hoạch mở rộng tuyến đường trục thôn bản: mặt cắt 9,5m, chiều rộng lòng đường 7m, lề đường 1.25m x 2, chiều dài 18,78km.

- Quy hoạch mở rộng tuyến đường trục nội đồng: mặt cắt 3,5m, chiều rộng lòng đường 2,5m, lề đường 0,5m x 2, chiều dài 13,1km.

6.2. Định hướng quy hoạch cấp nước

- Nguồn cấp nước dẫn từ các khe suối dẫn đến các đối tượng dùng nước. Ngoài ra sử dụng nước ngầm.

- Hiện trạng 6 thôn bản đều có kênh mương đã cứng hóa, đảm bảo tưới tiêu phục vụ sản xuất thuận lợi.

- Quy hoạch mới trạm xử lý nước sạch, diện tích 0,6ha tại bản Đồng Hom, công suất thiết kế 1.000m³/ngày đã triển khai xây dựng.

- Nhu cầu cấp nước toàn xã đến năm 2035: 606m³/ngày đêm.

6.3. Định hướng quy hoạch thoát nước

* *Thoát nước mặt:*

- Do mật độ xây dựng còn thưa thoáng, hiện tại nước mưa tự thấm một phần, phần còn lại nước mặt tiêu thoát chủ yếu theo địa hình về mương tiêu.

- Hệ thống thoát nước chung (nước mưa và nước thải thoát sinh hoạt thoát chung).

- Đối với các tuyến đường trong khu dân cư có mật độ cao bố trí hệ thống rãnh thu nước nắp đan thu nước mặt đường và thu nước thải sinh hoạt sau đó đổ vào hệ thống sông hồ. Đối với đường ngoài khu dân cư, đường tỉnh, đường liên xã bên taluy – phải bố trí hệ thống rãnh dọc thu nước, các đường tự thủy phải gia cố tạo bậc giảm áp.

* *Thoát nước thải:* Nước thải từ các hộ gia đình trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung phải được xử lý qua bể tự hoại, không được xả nước ra ao, hồ, kênh rạch, sông suối tự nhiên,...

6.4. Định hướng quy hoạch cấp điện

* Nguồn và lưới điện trung áp:

- Nguồn điện cung cấp do nguồn điện của lưới điện quốc gia từ trạm 110KV Cầu Gò công suất 1x25MVA, cách trung tâm xã khoảng 1km.

- Đường điện 35kV hiện trạng sẽ được cải tạo, nâng cấp tiết điện, dịch chuyển cho phù hợp với quy hoạch giao thông.

* Trạm biến áp 35(22)/0,4kV:

Cải tạo tuyến 35 KV theo đề án phát triển của ngành điện.

- Lưới hạ áp 0,4 KV: xây dựng mới toàn bộ đến tận các hộ dân. Lưới 0,4 KV đi nổi, tổ chức mạng hình tia, dùng cáp có bọc cách điện (ABC) tiết diện 120-50mm², bắt nổi trên cột điện bê tông ly tâm.

- Đường trục: Xây dựng mới và cải tạo đường dây 0,4 KV. Sử dụng cột BTLT 8,5m, và 10m, dây dẫn dùng dây ABC (4x70) đến dây ABC (4x120). Các tuyến đường dây 0,4 KV trục chính không dài quá 500m .

- Đường nhánh: Dùng dây ABC (4x35) đến dây ABC (4x70). Sử dụng cột H-8,5 và cột cũ tận dụng từ đường trục 0,4 KV hiện có.

* Lưới điện hạ áp và chiếu sáng:

- Lưới điện hạ thế: Thiết kế theo dạng hình tia phân nhánh. Để bảo đảm độ tin cậy cấp điện đề nghị các tuyến đường dây 0,4 kV trục chính không dài quá 500m.

- Lưới chiếu sáng: Bố trí chiếu sáng các đoạn đường trục chính tại một bên đường và hai bên, hệ thống điện chiếu sáng đi ngầm. Tại các khu vực ngõ xóm dân cư ở tập trung lưới chiếu sáng đi kết hợp chung cột với lưới 0,4 KV. Thiết bị chiếu sáng dùng loại đèn hiện đại tiết kiệm điện năng. Giai đoạn trước mắt đầu tư mạng lưới chiếu sáng ở khu trung tâm.

6.5. Định hướng quy hoạch nghĩa trang, rác thải, môi trường

- Xã Tam Hiệp có 1 công trình nghĩa trang liệt sỹ tại thôn Yên Thế với diện tích 0,408ha. Ngoài ra xã còn có 6 nghĩa trang nhân dân tại các thôn. Hiện nay nghĩa trang được đầu tư xây dựng khá hoàn chỉnh, đảm bảo mỹ quan, phù hợp với phong tục tập quán của người dân địa phương, vệ sinh môi trường đảm bảo.

- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang liệt sỹ. Tổng diện tích 0,14ha.

- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang thôn Đền Cô. Tổng diện tích 0,5ha.

- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang khu Đồng Ngoi quy mô 1,95ha.

- Quy hoạch mới bãi rác thải rắn VLXD thôn Đền Cô 1,0ha.

- Quy hoạch mới bãi rác tập trung bản Đồng Thép 0,65ha.

- Các nghĩa trang được phân khu cát táng 2m²/người, hung táng 5m²/người, nghĩa trang có đường vào, có nơi làm lễ tưởng niệm, có người quản lý theo nghị định 35/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ.

- Hạn chế tối đa ảnh hưởng tới các khu dân cư.
- Tuân thủ tuyệt đối tiêu chuẩn xây dựng Nghĩa trang nhân dân.
- Rác thải: Quy hoạch bổ xung các điểm tập kết rác thải sinh hoạt tại các thôn với bán kính phục vụ theo quy định. Rác thải sau đó được chuyển đến khu xử lý chung của huyện dự kiến tại bản Đồng Thép. Đối với rác thải công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, y tế phải thu gom vận chuyển xử lý theo quy định.

7. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

STT	CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ	GIAI ĐOẠN 2023-2030	GIAI ĐOẠN 2031-2035
1	Đất giáo dục		
1.1	Xây dựng mới trường mầm non – thôn Yên Thế 1,2ha		X
1.2	Nâng cấp mở rộng 0,05ha trường tiểu học – thôn Yên Thế. Tổng diện tích 0.61ha		X
1.3	Nâng cấp mở rộng 0,05ha trường THCS – thôn Yên Thế. Tổng diện tích 0,55ha		X
2	Đất văn hóa, TDTT		
2.1	Xây dựng mới trung tâm thể thao thôn Trại Cọ 0,7ha		X
2.2	Nâng cấp mở rộng đất văn hóa – bản Đồng Hom 0,23ha	X	
3	Đất ở		
3.1	Xây dựng mới dân cư thôn Đồng Mơ 0,3ha	X	
3.2	Xây dựng mới khu dân cư thôn Trại Cọ 7,6ha	X	
3.3	Xây dựng mới khu dân cư thôn Đền Cô với diện tích 1,13ha		X
3.4	Xây dựng mới dân cư bản Đồng Thép 2,5ha	X	
3.5	Xây dựng mới dân cư thôn Trại Cọ 0,3ha		X
3.6	Xây dựng mới dân cư bản Đồng Hom 2,3ha	X	
3.7	Xây dựng mới khu dân cư thôn Đền Cô 1,03ha		X
3.8	Xây dựng mới khu dân cư thôn Đền Cô 1,6ha	X	
3.9	Xây dựng mới khu dân cư bản Đồng Thép 0,3ha	X	
3.10	Xây dựng mới khu dân cư bản Đồng Thép 0,6ha	X	
3.11	Xây dựng mới khu dân cư thôn Đền Cô 0,33ha		X
4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền		
4.1	Nâng cấp mở rộng 0.12ha đền Cầu Khoai. Tổng diện tích 0,42ha		X
4.2	Nâng cấp mở rộng 0.16ha đền Quan Lớn. Tổng diện tích 0,22ha	X	
4.3	Nâng cấp mở rộng 0.29ha cụm di tích Đồn Hom. Tổng diện tích 0.56ha.	X	
4.4	Nâng cấp mở rộng 0.09ha Chùa Hố Thông. Tổng diện tích 0,18ha		X
4.5	Nâng cấp mở rộng cụm di tích Đồn Hom. Tổng diện tích 3,239 ha.	X	

5	Đất CN, TTCN, Làng nghề		
5.1	Xây dựng đất tiêu thụ công nghiệp 0,22ha	X	
5.2	Xây dựng đất tiêu thụ công nghiệp 1,06ha	X	
5.3	Xây dựng đất tiêu thụ công nghiệp 8,1ha	X	
5.4	Xây dựng mới đất tiêu thụ công nghiệp 7,75ha	X	
5.5	Xây dựng mới đất tiêu thụ công nghiệp 2,0ha	X	
6	Đất xây dựng chức năng khác		
6.1	Xây dựng mới điểm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng – bản Đồng Thép, diện tích 25ha (trong đó đất thương mại dịch vụ 4,0ha).	X	
6.2	Xây dựng mới khu TMDV thôn Trại Cọ 0,33ha	X	
6.3	Xây dựng mới đất TMDV thôn Đền Cô 6,5ha	X	
6.4	Xây dựng mới khu du lịch cộng đồng thôn Đền Cô 3,0ha.	X	
6.5	Xây dựng mới đất TMDV xã Tam Hiệp 3,0ha	X	
7	Đất giao thông		
7.1	Xây dựng mới đường đô thị D4	X	
7.2	Nâng cấp mở rộng đường liên xã Tam Hiệp	X	
7.3	Nâng cấp mở rộng đường liên thôn		X
7.4	Nâng cấp mở rộng đường nội thôn		X
7.5	Nâng cấp mở rộng đường nội đồng		X
7.6	Xây dựng mới đường tỉnh 294D	X	
7.7	Nâng cấp mở rộng nâng cấp đường liên huyện 54 & 54A	X	
8	Đất xử lý chất thải rắn		
8.1	Xây dựng mới bãi rác thải rắn VLXD thôn Đền Cô 1,0ha	X	
8.2	Xây dựng mới bãi rác tập trung bản Đồng Thép 0,65ha	X	
9	Đất nghĩa trang, nghĩa địa		
9.1	Nâng cấp mở rộng 0,1ha nghĩa trang liệt sỹ. Tổng diện tích 0,14ha		X
9.2	Nâng cấp mở rộng nghĩa trang khu Đồng Ngoi 1,95ha		X
9.3	Xây dựng mới nghĩa trang thôn Đền Cô 0,3ha	X	
9.4	Nâng cấp mở nghĩa trang thôn Đền Cô. Tổng diện tích 0,5ha	X	
10	Đất hạ tầng kỹ thuật khác		
10.1	Xây dựng mới cửa hàng xăng dầu xã Tam Hiệp - thôn Yên Thế 0,22ha	X	
11	Cấp nước		
	Xây dựng mới nhà máy nước sạch bản Đồng Hom 0,6ha		X
12	Đất quốc phòng, an ninh		
12.1	Nâng cấp mở rộng căn cứ chiến đấu. Tổng diện tích 6,1ha	X	

12.2	Xây dựng mới khu sơ tán. Diện tích 2,03ha	X	
12.3	Xây dựng mới trụ sở công an xã - thôn Yên Thế 0,2ha	X	
12.4	Xây dựng mới trụ sở quân sự xã Tam Hiệp 0,2ha	X	

8. Các nội dung khác: Theo bản vẽ và thuyết minh quy hoạch được thẩm định, phê duyệt kèm theo.

9. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch

Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Tam Hiệp đã thể hiện được đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

(Có Quy định quản lý theo đồ án kèm theo hồ sơ quy hoạch)

Điều 2. UBND xã Tam Hiệp chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo trong Quy hoạch; có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; công bố, cắm mốc giới theo quy hoạch ra ngoài thực địa; điều chỉnh các quy hoạch có liên quan theo điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Tam Hiệp đến năm 2035.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND&UBND huyện, Phòng Tài Chính - Kế hoạch, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Văn hóa và Yhông tin, Phòng Y tế, Điện lực Yên Thế, Kho bạc Nhà nước huyện; UBND xã Tam Hiệp và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- VP HĐND&UBND huyện: LĐ, TH;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, KTHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tuyền